

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NHÀ NUÔI CHIM YẾN TẠI CÁC TỈNH NAM BỘ

Đậu Văn Hải¹, Nguyễn Thị Hồng Trinh¹, Lê Bá Chung¹,
Phạm Minh Quân¹, Nguyễn Thị Anh¹ và Đỗ Tú Quân²

¹Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, ²Chi hội Nhà Yến Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đậu Văn Hải. Điện thoại: 0918088570. Email: hai.dauvan@iasvn.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực trạng nuôi chim yến được thực hiện tại các tỉnh Nam bộ, từ tháng 1-6/2020. Chọn ngẫu nhiên 1000 nhà yến tương ứng khoảng 10% số nhà nuôi yến (2019) trong danh sách các hộ nuôi yến tại địa phương để khảo sát. Thông tin phỏng vấn theo mẫu của phiếu điều tra. Kết quả cho thấy hầu hết nhà yến không có giấy phép xây dựng và tăng mạnh từ năm 2011 (đến 2019 đạt 93%). Nhà yến có kết cấu từ 1-4 tầng trong đó nhà 2-3 tầng là chủ yếu (81,2%). Phương pháp dẫn dụ bằng âm thanh (100%) và kết hợp âm thanh với chất tạo mùi (39,1%). Nhiệt độ, ẩm độ: 94,7% nhà yến có xác định trong đó xác định tự động chiếm 80,34%, 100% nhà có lắp đặt hệ thống tạo ẩm. Âm thanh: 100 nhà có dùng thiết bị phát âm thanh bên trong và ngoài nhà yến, bên trong phát 24/24, bên ngoài phát trung bình 11,61 giờ/ngày. Ánh sáng và thông gió hầu hết từ lỗ thông gió trên tường và cửa chim ra vào. Năng suất tổ yến trung bình 129,7 g/m²/năm, thu hoạch 9,32 lần/ năm. Chất lượng tổ yến: loại I 43,38%, loại II 36,49%, loại III 20,13%. Về quản lý: số hộ có ghi chép quản lý thu hoạch chiếm 78,2%, số hộ sơ chế tổ tại nhà 25,4%, có thu gom phân 76,3%, sát trùng bên trong nhà yến 84% và hầu hết sử dụng lao động trong gia đình.

Từ khóa: Âm thanh, chim yến, dẫn dụ, năng suất tổ yến, nhà yến.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ở Việt Nam, trong thời gian qua tốc độ phát triển nhà nuôi chim yến rất nhanh, với nhiều loại hình và quy mô khác nhau, nguyên nhân là do nhà yến đã mang lại thu nhập rất cao cho gia chủ (20 -30 triệu đồng/kg yến thô). Đặc biệt, tại các tỉnh Nam Bộ từ 2017 đến 2019, số lượng nhà yến tăng 96,54% (Số nhà yến 2017: 4.861; 2019: 9.554 nhà yến). Trong đó một số tỉnh có tốc độ tăng nhanh như Cần Thơ tăng 411,54%; kế đến là Đồng Tháp (295,83%); Trà Vinh, Bạc Liêu và Long An có tốc độ lần lượt là 215,19%; 207,04% và 187,04%. Trong khi đó số nhà yến của các tỉnh vùng Đông Nam Bộ cũng tăng nhưng ở mức độ chậm hơn các tỉnh Tây Nam Bộ (Mai Thế Hào, 2019).

Xây dựng nhà yến và khai thác yến sào ở nước ta nói chung và tại các tỉnh Nam Bộ nói riêng dần dần được xác lập như một nghề quan trọng và ngày càng khẳng định được vị thế. Tuy nhiên bên cạnh những lợi ích kinh tế của khai thác sản phẩm từ chim yến, việc phát triển nhà yến ô ạt cũng phát sinh nhiều vấn đề cần phải xem xét, nghiên cứu như: quy định quản lý, quy hoạch vùng nuôi chim yến, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm môi trường, quản lý dịch bệnh, cảnh quan đô thị, một số nhà yến vẫn còn rất nhiều vấn đề hạn chế như chất lượng tổ yến thô còn thấp, do đó giá trị thương mại thấp nên hiệu quả kinh tế mang lại chưa cao. Nguyên nhân của những hạn chế đó là do người dân tiếp cận nghề nuôi chim yến chưa lâu, còn mang tính tự phát là chủ yếu, không ít gia đình chỉ làm theo phong trào, làm theo kinh nghiệm truyền miệng của nhà cung cấp công nghệ, mà xem nhẹ các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng tổ yến thô như: công tác quản lý, vùng sinh thái nuôi chim yến, vị trí nhà nuôi chim yến, khí hậu, thời tiết, môi trường ..., do đó dẫn đến tình trạng xây nhà yến xong nhưng chim yến không về làm tổ hoặc chim yến đã làm tổ một thời gian sau đó bỏ đi vì vậy đã gây thiệt hại kinh tế rất lớn cho chủ nhà yến.

Xuất phát từ những lý do trên, đề tài đã thực hiện nhằm đánh giá được thực trạng phát triển

nhà nuôi chim yến tại các tỉnh Nam Bộ, làm cơ sở để tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu về các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng tổ yến thô, mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ nhà yến.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Nhà nuôi chim yến và các chủ nhà yến ở các tỉnh Nam Bộ.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Khảo sát nhà yến tại 19 tỉnh Nam Bộ (TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang và Kiên Giang).

Thời gian nghiên cứu: Từ 01/2020 đến hết tháng 6/2020.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chọn mẫu điều tra: Chọn ngẫu nhiên 1.000 nhà yến (Mỗi tỉnh khoảng 10% số nhà yến theo thống kê năm 2019) trong danh sách các nhà yến tại địa phương để khảo sát.

Thông tin phỏng vấn: Theo mẫu của phiếu điều tra (*in sẵn*).

Phương pháp phỏng vấn: Tiến hành thu thập thông tin theo phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của người dân PRA (Participatory Rural Appraisal). Thông tin được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp chủ nhà yến.

Chỉ tiêu theo dõi: Thông tin chung về nhà yến, kỹ thuật nhà yến (kiểu nhà, kết cấu nhà, phương thức dẫn dụ), các yếu tố môi trường bên trong nhà yến, năng suất và chất lượng tổ yến, quản lý nhà yến và mua bán giá cả.

Xử lý số liệu: Số liệu điều tra được xử lý theo phương pháp thống kê mô tả bởi phần mềm Minitab for Windows phiên bản 16.0.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Một số thông tin chung về nhà yến

Bảng 1. Một số thông tin chung về nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Giấy phép xây dựng: KHÔNG	1000	100,00
- Năm xây nhà yến (2000-2019)		
Trong đó:		
Số nhà yến xây từ năm (2000-2010)	70	7,00
Số nhà yến xây từ năm (2011-2015)	369	36,90
Số nhà yến xây từ năm (2016-2019)	561	56,10
-Nguồn gốc nhà yến		
Số nhà yến cải tạo	243	24,30
Số nhà yến xây mới	757	75,70

Kết quả cho thấy, 100% số nhà yến không có giấy phép xây dựng. Trong 1.000 nhà yến được

khảo sát, số nhà yếm được xây dựng từ 2016-2019 là 561 nhà chiếm khoảng 56,10% (trung bình 18,70% năm), cao hơn giai đoạn 2011-2015; Số nhà yếm xây mới là 757 nhà chiếm 75,70%, còn lại là số nhà yếm được cải tạo từ nhà ở chiếm 24,30%. Như vậy tốc độ phát triển nhà yếm giai đoạn 2011-2015 so với giai đoạn 2000-2010 khoảng 427,14% và số lượng nhà yếm 2016-2019 tăng so với 2011-2015 khoảng 52,03%.

Kỹ thuật nhà yếm

Bảng 2. Kiểu nhà và Kết cấu nhà yếm

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Loại nhà yếm		
Nhà Trệt	81	8,10
Hai tầng	394	39,40
Ba tầng	418	41,80
Bốn tầng	97	9,70
Khác	10	1,00
- Diện tích trung bình/nhà yếm (m²)		
Max (m ²)	1.500	
Min (m ²)	40	
-Kết cấu nhà yếm		
Tường xây bằng gạch	787	78,70
Lắp ráp	213	21,30
-Hình dạng mái nhà yếm		
Mái bằng	731	73,10
Mái vòm hình thang	22	2,20
Mái vòm hình tam giác	245	24,5
Khác	2	0,2
-Vật liệu làm mái		
Bê tông	851	85,10
Tôn fibro xi măng	9	0,90
Tôn lạnh	138	13,80
Khác	2	0,20
- Vật liệu làm giá tổ chim yếm		
Xi măng	59	5,90
Gỗ	858	85,80
Đá	83	8,3
-Tổ giả trong nhà yếm		
Có tổ giả	156	15,60
Không có tổ giả	844	84,40

Kết quả Bảng 2 cho thấy, kiểu nhà yếm đa dạng từ nhà trệt đến nhà bốn tầng, trong đó tỷ lệ nhà yếm hai tầng (chiếm 39,40%) và ba tầng (chiếm 41,80%), hai kiểu nhà này chiếm tỷ lệ cao nhất trong 1.000 nhà yếm khảo sát. Diện tích trung bình/nhà yếm là 225 m² (dao động từ 40 – 1.500m²). Số nhà yếm có tường xung quanh được xây bằng gạch chiếm 78,70%, chủ yếu là số

nhà xây mới, số nhà yến lắp ráp (Sắt, tôn) chiếm 21,30%, đây là những nhà yến được cải tạo từ nhà ở.

Mái nhà yến có nhiều hình dạng khác nhau như: mái bằng, mái vòm hình thang và mái vòm hình tam giác ..., tuy nhiên hình dạng mái bằng chiếm tỷ lệ cao nhất là 73,10% và kể đến là mái vòm hình tam giác chiếm 24,50%. Vật liệu làm mái nhà yến phần lớn làm bằng bê tông chiếm 85,10%, còn lại là tôn fibro xi măng và tôn lạnh chiếm 14,90%, chủ yếu là dành cho những nhà yến cải tạo. Theo các chủ nhà yến cho biết: Mái nhà yến làm bằng bê tông giảm được tiếng ồn vào mùa mưa và có khả năng cách nhiệt tốt hơn so với nhà yến có mái làm bằng tôn. Vật liệu làm giá đỡ cho chim yến làm tổ chủ yếu là bằng gỗ chiếm 85,80%, gỗ được sử dụng là Bạch Tùng được nhập khẩu từ Malaysia, ngoài ra giá đỡ cho chim yến có thể làm bằng xi măng hoặc bằng đá nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ 14,20%. Trong nhà yến một số nhà có làm tổ giả, tuy nhiên tỷ lệ này chỉ chiếm 15,60%, còn lại là nhà yến không làm tổ giả chiếm 84,40%.

Bảng 3. Phương pháp dẫn dụ và quản lý nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
-Phương pháp dẫn dụ chim yến		
Hệ thống âm thanh	1.000	100,0
Phân chim	1.000	100,0
Dung dịch tạo mùi	391	39,10
- Quản lý nhà yến		
Có Camera	492	49,20
Không có camera	508	50,80

Dẫn dụ chim yến là hình thức làm cho chim yến từ nơi khác về, dẫn vào nhà và giữ chim yến ở lại trong nhà yến. Trong phương pháp dẫn dụ chim yến, yếu tố không thể thiếu cho các nhà yến hiện nay là hệ thống âm thanh (Loa phóng, loa dẫn và loa ru) và phân chim yến đều chiếm 100% số nhà yến; ngoài ra một số nhà yến còn sử dụng thêm dung dịch tạo mùi, nhưng tỷ lệ này chưa cao chỉ khoảng 39,10%. Để quản lý nhà yến tốt hơn, thì trong nhà yến phải gắn camera, nhưng hiện nay số nhà yến có gắn camera còn hạn chế chỉ chiếm 49,20%.

Bảng 4. Hệ thống nhiệt độ trong nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Xác định nhiệt độ trong nhà yến		
Có xác định	947	94,70
Không xác định	53	5,30
Xác định nhiệt độ tự động	761	80,34
Xác định nhiệt độ thủ công	186	19,66
-Điều khiển nhiệt độ qua hệ thống ẩm độ trong nhà yến		
Tự động	766	76,60
Bán tự động	171	17,10
Thủ công	63	6,30

Nhiệt độ là yếu tố rất quan trọng trong nhà yến, nếu duy trì được nhiệt độ hợp lý và ổn định sẽ góp phần nâng cao sản lượng tổ yến thô. Qua khảo sát cho thấy có tới 94,70% số nhà yến có xác định nhiệt độ. Tuy nhiên, tỷ lệ xác định nhiệt độ tự động chỉ chiếm 80,34%, còn lại là xác định theo phương pháp thủ công là 19,66% trong tổng số nhà yến có theo dõi nhiệt độ. Để điều chỉnh nhiệt độ trong nhà yến, người ta sử dụng hệ thống ẩm độ. Trong nhà yến việc điều khiển nhiệt độ qua hệ thống ẩm độ bằng phương pháp tự động chiếm 76,60% số nhà yến và điều khiển bằng phương pháp bán tự động là 17,10% số nhà yến.

Bảng 5. Hệ thống ẩm độ trong nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
-Xác định độ ẩm trong nhà yến		
Tạo ẩm độ trong nhà yến	1.000	100
Có xác định ẩm độ	986	98,60
Không xác định ẩm độ	14	1,40
-Điều khiển ẩm độ trong nhà yến		
Tự động	796	79,60
Bán tự động	190	19,00
Thủ công	14	1,40
-Phương thức tạo độ ẩm trong nhà yến		
Phun sương	977	97,70
Hơi nước tự nhiên	3	0,30
Phun sương và mưa giả	4	0,40
Phun sương và hơi nước tự nhiên	16	1,60

Ẩm độ cùng với nhiệt độ là hai yếu tố liên quan mật thiết với nhau trong nhà yến, hệ thống ẩm độ không những tạo độ ẩm mà còn điều khiển nhiệt độ trong nhà yến khi cần thiết, nếu quản lý và vận hành tốt hệ thống tạo ẩm độ trong nhà yến sẽ góp phần nâng cao sản lượng tổ yến thô, vì vậy 100% số nhà yến đều lắp đặt hệ thống tạo độ ẩm trong nhà yến. Kết quả khảo sát 1.000 nhà yến cho thấy, có tới 98,60% số nhà yến có xác định ẩm độ trong nhà yến và được điều khiển bằng phương pháp tự động chiếm 79,60% và bán tự động là 19,00% số nhà yến.

Phương thức tạo độ ẩm trong nhà yến có nhiều cách như sử dụng hệ thống phun sương, hơi nước tự nhiên, mưa giả, kết hợp giữa phun sương với mưa giả và phun sương với hơi nước tự nhiên. Tuy nhiên, phương thức sử dụng hệ thống phun sương là chiếm tỷ lệ cao nhất 97,70% chưa tính phun sương với kết hợp phương thức khác. Như vậy trong nhà yến, sử dụng hệ thống phun sương chiếm tỷ lệ 99,70%.

Nhà yến sử dụng hệ thống âm thanh nhằm mục tiêu dẫn dụ chim yến từ nơi khác về, đưa chim yến vào nhà và giữ chim yến trong nhà yến, vì vậy đây là một trong những chỉ tiêu rất cần thiết. Qua khảo sát cho thấy có 100% số nhà yến sử dụng âm thanh cả bên trong và bên ngoài

nhà yến. Thời gian phát âm thanh bên trong nhà yến (loa dẫn và loa ru) là 24/24 giờ, nhưng không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, nguyên nhân: do nhà yến đóng kín và cách âm tốt. Thời gian phát âm thanh bên ngoài nhà yến (loa phóng) trung bình là 11,61 giờ/ngày (10-18 giờ/ngày) thường buổi sáng phát từ 6 giờ đến 11 giờ và buổi chiều từ 14 giờ đến 21 giờ. Mặc dù thời gian phát âm thanh bên ngoài nhà yến đúng quy định, nhưng âm thanh phát ra đã ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư xung quanh nhà yến. Phương thức điều khiển âm thanh bên trong và bên ngoài nhà yến: có 94,60% số nhà yến điều khiển tự động và 4,40% điều khiển bán tự động. Nguồn gốc xuất xứ của thiết bị phát âm thanh chủ yếu từ Malaysia chiếm 97,80%.

Bảng 6. Hệ thống âm thanh trong nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
-Hệ thống âm thanh của nhà yến	1.000	100
Nơi phát âm thanh: bên trong và bên ngoài nhà yến	1.000	100
Thời gian phát âm thanh bên trong nhà yến (24/24 giờ)	1.000	100
Thời gian phát âm thanh bên ngoài nhà yến (giờ)		11,61
Max		18
Min		10
-Phương thức điều chỉnh âm thanh của nhà yến		
Tự động	946	94,60
Bán tự động	44	4,40
Thủ công	10	1,00
-Xuất xứ của hệ thống âm thanh		
Malaysia	978	97,80
Việt Nam	22	2,20

Nguồn cung cấp ánh sáng trong nhà yến (Bảng 7): Có hai nguồn chủ yếu là cửa chim yến bay ra-vào và lỗ thông gió kết hợp với cửa chim yến bay ra-vào. Trong đó số nhà yến lấy nguồn ánh sáng từ cửa chim yến bay ra-vào chiếm 33,40%, còn lại là lấy ánh sáng kết hợp giữa lỗ thông gió với cửa chim yến bay ra-vào chiếm 66,60%. Tương tự như nguồn cung cấp ánh sáng cho nhà yến, thông gió cho nhà yến cũng được quan tâm; kết quả khảo sát cho thấy có 33,40% số nhà yến thông gió qua cửa chim yến bay ra-vào và 66,60% số nhà yến thông qua lỗ thông gió kết hợp với cửa chim yến bay ra-vào. Tuy nhiên cửa chim yến bay ra-vào có tầm quan trọng hơn.

Phương thức điều chỉnh hệ thống thông gió có tới 80,80% số nhà yến không điều chỉnh hệ thống thông gió, chỉ có 19,20% số nhà yến có điều chỉnh nhưng bằng phương pháp thủ công (100%). Điều này cho thấy khi xây dựng nhà yến, hệ thống thông gió đã được đặt cố định. Vị trí đặt lỗ thông gió thường tập trung ở các vị trí như: Gần nền - Giữa tường, Gần nền - Gần trần và Gần nền - Giữa tường - Gần trần với tỷ lệ lần lượt là 22,82%; 39,94% và 25,53% số nhà yến. Còn các vị trí như: gần nền, giữa tường và Gần trần - Giữa tường chiếm tỷ lệ thấp 1,79% - 7,51% số nhà yến. Ngoài ra có 0,7% số nhà yến có lắp đặt quạt hút để thông gió. Theo khuyến cáo từ kết quả nghiên cứu ở Malaysia, khoảng cách giữa các lỗ thông gió được khuyến nghị tối thiểu là 1 m so với mức ván dưới và nên được xây dựng trong các bức tường

đổi diện với hướng của các tấm ván làm tổ (Idris và cs., 2014).

Bảng 7. Hệ thống ánh sáng và thông gió trong nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
-Nguồn cung cấp ánh sáng trong nhà yến		
Cửa chim yến bay ra-vào	334	33,40
Lỗ thông gió và Cửa chim yến bay ra-vào	666	66,60
-Hệ thống thông gió		
Thông gió qua cửa chim yến bay ra - vào	334	33,40
Thông gió qua lỗ thông gió và cửa chim yến bay ra - vào	666	66,60
-Điều chỉnh hệ thống thông gió		
Có điều chỉnh	192	19,20
Không điều chỉnh	808	80,80
Phương thức điều chỉnh thông gió - Thủ công	192	100
-Vị trí đặt lỗ thông gió		
Gần nền	13	1,95
Giữa tường	50	7,51
Gần trần - Giữa tường	15	2,25
Gần nền - Giữa tường	152	22,82
Gần nền - Gần trần	266	39,94
Gần nền - Giữa tường - Gần trần	170	25,53
-Lắp đặt quạt hút thông gió		
Có lắp đặt	7	0,70
Không lắp đặt	993	99,30

Một số chỉ tiêu môi trường trong nhà yến

Bảng 8. Nhiệt độ, ẩm độ, ánh sáng và tiếng ồn trong nhà yến

Chỉ tiêu	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Nhiệt độ trong nhà yến (°C)	28,5 ± 1,2	31	22
Ẩm độ trong nhà yến (%)	81,7 ± 2,6	91	68
Cường độ ánh sáng trong nhà yến (Lux)	0,24 ± 0,07	0,63	0,18
Tiếng ồn trong nhà yến (dB)	71,7 ± 4,7	80	60

Kết quả Bảng 8 cho thấy, nhiệt độ trung bình trong nhà yến là 28,5°C (22-31°C), ẩm độ trong nhà yến 81,7% (68-91%) phù hợp với khuyến cáo về nhiệt độ ẩm độ thích hợp trong nhà yến, theo AgroMedia (2007), độ ẩm tương đối trong khoảng 80-90% được khuyến nghị để tối đa hóa năng suất sản xuất yến. Theo kết quả điều tra của Rahman và cs. (2018), nhiệt độ trong nhà yến dao động từ 28,7°C-30°C. Theo Ibrahim và cs. (2009), các yếu tố môi trường trong nhà nuôi chim yến ảnh hưởng trực tiếp đến sự sinh trưởng sinh sản của chim yến là nhiệt độ không khí, ẩm độ, tốc độ không khí và cường độ ánh sáng, phạm vi nhiệt độ được khuyến

ngiht là từ 26°C đến 35°C. Đỗ Văn Hoan (2018) cho rằng nhiệt độ 24°C-31°C (tốt nhất là 27°C-29°C), độ ẩm trong phạm vi 70-95%, lý tưởng là 80-90%, ánh sáng từ tối đến mờ tối, có đối lưu không khí là thích hợp cho chim yến. Lê Hữu Hoàng (2013) cho biết, đảm bảo nhiệt độ trong nhà yến luôn duy trì ở mức 27°C-29°C, đây là mức chuẩn choc him yến sinh sống, làm tổ, sinh sản và phát triển tốt; Độ ẩm trong nhà yến phải đảm bảo từ 70% đến 85%, trong quá trình vận hành phải điều chỉnh độ ẩm trong nhà yến nằm trong biên độ này.

Cường độ ánh sáng trong nhà yến 0,24 Lux (0,18-0,63 Lux), theo khuyến cáo của Lê Hữu Hoàng (2013), cường độ ánh sáng trong nhà yến thích hợp từ 0,02-0,2Lux. Tiếng ồn trong nhà yến (loa dẫn và loa rung) trung bình 71,7 dB (60-80 dB) điều này phù hợp với tần số âm thanh của chim yến và không ảnh hưởng môi trường bên ngoài.

Năng suất và chất lượng tổ yến

Bảng 9. Tỷ lệ số nhà yến thu hoạch tại thời điểm điều tra

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tổng số nhà khảo sát	1.000	100
Chưa thu hoạch	300	30,00
Đang thu hoạch	649	64,90
Không thu hoạch	51	5,10

Kết quả khảo sát 1.000 nhà yến, trong đó có 300 (30%) nhà chưa thu hoạch, số nhà này được xây dựng cuối năm 2018 và 2019. Số nhà yến đang thu hoạch là 649 nhà chiếm 64,90% và số nhà không thu hoạch là 51 nhà (5,10%) nguyên nhân chim yến đã bỏ đi, đây là vấn đề cần được quan tâm, hiện nay có nhiều nhà yến xây xong chim yến đến rất ít hoặc không đến, hoặc chim yến đến ở một thời sau đó bỏ đi, nguyên nhân chính người chăn nuôi cũng chưa tìm ra, nhưng chắc chắn một điều đó là môi trường trong nhà yến chưa phù hợp với đặc điểm sinh học của chim yến.

Bảng 10. Thời gian thu hoạch và năng suất tổ yến

Chỉ tiêu	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Thời gian thu hoạch lần đầu (tháng) n=692	17,5 ± 5,0	36	8
Năng suất tổ yến thu hoạch lần đầu (g/m ²)	2,90 ± 4,15	44,51	0,21
Số lần thu hoạch trong năm (lần) n=647	9,32 ± 3,10	12	1
Năng suất tổ yến thô thu hoạch trong năm (g/m ² /năm)	129,7 ± 109,9	725	1,9
Năng suất tổ yến thu hoạch lần gần nhất (g/m ² /lần) n=675	14,67 ± 10,71	100	0,11

Đối với nhà yến mới xây, từ khi mở loa dẫn dụ chim yến đến khi thu hoạch lần đầu khoảng 17,5 tháng (dao động 8-36 tháng). Mức độ dao động của thời gian thu hoạch lần đầu là khá lớn điều này có thể giải thích như sau: nếu thu hoạch lần đầu trước 12-14 tháng có nghĩa là nhà yến đã dẫn dụ được chim mẹ từ nơi khác về sớm; nếu thu hoạch lần đầu sau 15 - 24 tháng là nhà yến dẫn dụ được chim con từ nơi khác về; trường hợp sau 24 tháng mới thu hoạch có thể chim mẹ và chim con về muộn, hoặc số lượng tổ yến quá ít người nuôi không thu hoạch.

Năng suất tổ yến thu hoạch lần đầu 2,9 g/m² (dao động 0,21 – 44,51 g/m²) điều này cho thấy, có sự chênh lệch rất lớn về năng suất tổ yến thu hoạch lần đầu giữa các nhà yến có thể do nhiều yếu tố như thời gian thu hoạch lần đầu, vùng sinh thái, khu vực có mật độ nhà yến nhiều hay ít, môi trường nhà yến.

Năng suất tổ yến thô thu hoạch trong năm trung bình là 129,7 g/m², theo Đỗ Văn Hoan (2018) năng suất tổ yến thô trung bình/m² của 43 tỉnh thành khoảng 30,54g/m²/năm. Tuy nhiên mức độ chênh lệch về năng suất tổ yến thô cũng rất cao, năng suất cao nhất đạt 725 g/m² và thấp nhất chỉ đạt 1,9g/m². Tổng số lần thu hoạch tổ yến trong năm trung bình 9,32 lần/năm (dao động: 1-12 lần) điều này cho thấy, số lần thu hoạch phụ thuộc vào số lượng tổ yến có trong nhà yến, nhà yến có môi trường sống tốt, phù hợp, chim yến sẽ về nhiều và làm tổ đẻ nhiều, năng suất sẽ tăng nhanh. Theo Nguyễn Quang (1994), ở Việt Nam, việc khởi công xây dựng tổ yến là vào mùa khô và sinh sản thường bắt đầu vào mùa mưa đầu tiên, vào thời điểm có nhiều côn trùng.

Tương tự năng suất tổ yến thô thu hoạch lần gần nhất cũng có sự chênh lệch rất lớn giữa các nhà yến. Theo kết quả khảo sát 1.000 nhà yến, sản lượng tổ yến thô thu hoạch trong năm qua các quý như sau: quý I sản lượng chiếm 14,69%; quý II chiếm 34,45%; quý III chiếm 39,39% và quý IV chiếm 11,47% tổng sản lượng tổ yến thu hoạch trong năm, như vậy sản lượng tổ yến thu hoạch trong năm tập trung ở quý II và III chiếm 73,84% sản lượng tổ yến thu hoạch trong năm.

Bảng 11. Phân loại tổ yến thô qua các lần thu hoạch

Chỉ tiêu	Loại 1: >9 gam/tổ	Loại 2: 7-9 gam/tổ (%)	Loại 3: <7 gam/tổ
Chất lượng tổ yến thu hoạch lần đầu (%)	21,40	49,09	29,51
Chất lượng tổ yến thu hoạch lần gần nhất (%)	43,38	36,49	20,13

Tổ yến thô có nhiều tiêu chí để đánh giá như khối lượng, màu sắc của tổ yến, vi sinh vật và nấm trong tổ yến sau thu hoạch và hàm lượng dinh dưỡng, tuy nhiên đề tài này chỉ đánh giá chất lượng tổ yến thô theo tiêu chí khối lượng của Hiệp hội Nhà yến Việt Nam. Kết quả cho thấy, khối lượng tổ yến thu hoạch lần đầu loại 1 chỉ chiếm 21,40%, còn lại là loại 2 và loại 3 chiếm 78,60%, điều này phù hợp với đặc điểm sinh học của chim yến, khi dẫn dụ ban đầu chim yến con từ nơi khác về nhiều hơn, chim mẹ về ít hơn nên tổ yến có khối lượng thấp chiếm tỷ lệ cao. Khối lượng tổ yến thô thu hoạch lần gần nhất đạt loại loại 1 chiếm 43,38%, còn lại là loại 2 và loại 3 chiếm 56,62% điều này cho thấy khối lượng tổ yến thô được cải thiện dần qua thời gian, số lần khai thác nhà yến.

Quản lý nhà yến

Bảng 12. Một số chỉ tiêu quản lý nhà yến

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có ghi chép quản lý thu hoạch	782	78,20
Nguồn thức ăn của chim yến – Tự nhiên	1.000	100,0
Sơ chế tổ yến thô tại nhà	254	25,40
Quy trình sơ chế (n=254)	204	80,31

Kết quả khảo sát 1.000 hộ cho thấy, công tác ghi chép quản lý đàn yến, xây lồng nuôi chim

yến con, quy trình ấp nở nhân tạo, di đàn chim yến sang nhà mới xây dựng, quy trình di đàn chim yến sang nhà mới xây dựng, quy trình vận hành nhà yến và xây dựng quy trình chăn nuôi thực hành tốt cho nhà yến có 100% số nhà yến không thực hiện.

Bảng 12 cho thấy, nguồn thức ăn cho chim yến 100% từ tự nhiên. Về quản lý thu hoạch tổ yến có 78,20% số nhà yến ghi chép vì đây là quyền lợi trực tiếp. Sơ chế tổ yến thô tại nhà chiếm 25,40% số nhà yến, sau khi thu hoạch sẽ tự học và sơ chế tại nhà, điều này làm ảnh hưởng đến các Công ty được đầu tư bài bản, được đăng ký kinh doanh và đặc biệt là chúng ta không thể kiểm soát được chất lượng của tổ yến sau khi sơ chế bán ra thị trường.

Bảng 13. Thú y và vệ sinh môi trường

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Sử dụng quy trình vệ sinh và quản lý dịch bệnh trong nhà yến	27/1000	2,70
Sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh bên trong nhà yến	849/1000	84,90
Sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh bên ngoài nhà yến	408/1000	40,80
Thu gom phân chim yến	763/1000	76,30
Xử lý phân chim yến	222/1000	22,20
Sử dụng phân chim yến. Trong đó:	1000	100,0
- Dẫn dụ chim yến	441/1000	44,10
- Bón cho cây trồng	142/1000	14,20
- Bán	71/1000	7,10
- Dẫn dụ chim yến và Bón cho cây trồng	144/1000	14,40
- Dẫn dụ chim yến và Bán	26/1000	2,60
- Bón cho cây trồng và bán	7/1000	0,7
- Dẫn dụ chim yến, Bón cho cây trồng và bán	169/1000	16,90

Công tác thú y và vệ sinh môi trường chưa được các chủ nhà yến quan tâm. Cụ thể như sau: sử dụng quy trình vệ sinh và quản lý dịch bệnh trong nhà yến chỉ có 2,7% số nhà yến thực hiện; Sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh bên ngoài nhà yến có 40,80% số nhà yến thực hiện, tuy nhiên sử dụng thuốc sát trùng để vệ sinh bên trong nhà yến để diệt các côn trùng kiến, gián có 84,90% số nhà yến sử dụng. Về sử dụng phân chim yến phần lớn là để dẫn dụ chim yến, nếu dư thừa sẽ bán cho những nhà yến mới xây dựng để dẫn dụ chim yến hoặc sử dụng cho cây trồng. Giá của phân chim yến trung bình 53,89 ngàn đồng/kg (dao động: 30-120 ngàn đồng/kg) phụ thuộc theo mùa và địa phương.

Sử dụng lao động trong nhà yến

Sử dụng lao động trong nhà yến chủ yếu là người trong gia đình chiếm tỷ lệ 92,70% và số lượng 01 người/nhà yến chiếm 76,90%; số lượng 2-3 người/nhà yến chiếm 23,10% chủ yếu là những nhà yến có diện tích lớn. Phụ trách kỹ thuật trong nhà yến cũng chính là người trong gia đình chiếm 85,30% số nhà yến, còn lại là thuê mướn định kỳ chiếm 14,00%. Kỹ thuật viên phụ trách kỹ thuật trong nhà yến chủ yếu là tự học chiếm 81,80% số nhà yến, kinh nghiệm dân gian chiếm 18,0% và qua các lớp đào tạo chỉ chiếm 0,2% số nhà yến, điều này góp phần cho việc giải thích tại sao năng suất của tổ yến có sự chênh lệch rất xa giữa các nhà yến. Thực

trạng các kỹ thuật viên xây nhà yến hiện nay là: “Sau khi xây dựng xong nhà yến, chủ nhà trở thành chuyên gia tư vấn xây dựng nhà yến cho người khác”.

Hình thức mua bán tổ yến và giá cả

Kết quả qua khảo sát cho thấy, có khoảng 74,60% số nhà yến sau thu hoạch, không sơ chế và bán tổ yến thô ra thị trường và người mua với nhiều mục đích khác nhau như sử dụng, thương lái và mua về sơ chế; có 6,0% chỉ bán tổ yến sau sơ chế đây là các Công ty kinh doanh sản phẩm về yến sào có giấy phép kinh doanh; còn lại là 19,40% vừa bán tổ yến thô, vừa bán tổ yến sau sơ chế, phần lớn là những nhà yến có sản lượng nhiều nên tự sơ chế và bán ra thị trường, những sản phẩm này không kiểm soát được chất lượng và giá cả. Thị trường mua bán tổ yến hiện nay chưa có sự kiểm soát và quy định của Nhà nước.

Giá của tổ yến thô trên thị trường tùy thuộc vào khối lượng của tổ yến, thời gian trong năm, nhu cầu của thị trường và mục đích người mua. Cụ thể tổ yến thô loại 1 có giá trung bình là 24,1 triệu đồng/kg (dao động: 18-30 triệu đồng/kg); tổ yến thô loại 2 có giá trung bình là 21,7 triệu đồng/kg (dao động: 16-25 triệu đồng/kg) và tổ yến thô loại 2 có giá trung bình là 19,3 triệu đồng/kg (dao động: 14-23 triệu đồng/kg). Giá của tổ yến qua sơ chế trên thị trường khoảng 35,0 triệu đồng/kg (dao động: 24-40 triệu đồng/kg), giá dưới 35 triệu đồng/kg yến sơ chế thường là do các nhà yến tự sơ chế, còn giá trên 35 triệu đồng là giá bán của một số Công ty, giá bán cho khách nước ngoài tại các khu du lịch từ 160-200 triệu đồng/kg.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

Tốc độ phát triển nhà nuôi chim yến trong thời gian qua rất nhanh. Nhà yến không có giấy phép xây dựng chiếm tỷ lệ 100%.

Kiểu nhà yến rất đa dạng, từ 1- 4 tầng trong đó nhà yến 2-3 tầng chiếm 81,2% và diện tích nhà yến biến động rất lớn. Trong nhà yến đều được trang bị các hệ thống nhiệt độ, ẩm độ, âm thanh và ánh sáng.

Các yếu tố trong nhà yến như nhiệt độ, ẩm độ, cường độ ánh sáng và tiếng ồn đều phù hợp với khuyến cáo của các nghiên cứu trong và ngoài nước. Cụ thể:

Nhiệt độ trung bình 28,5°C (22-31°C), ẩm độ 81,70% (68-91%);

Âm thanh: 100% nhà yến có sử dụng thiết bị phát âm thanh bên trong và ngoài nhà yến, cường độ trung bình 71,7dB.

Ánh sáng và thông gió trong nhà yến hầu hết được lấy từ cửa chim ra - vào và lỗ thông gió trên tường, cường độ ánh sáng trung bình 0,24Lux.

Năng suất tổ yến và số lần thu hoạch yến sào trong năm có sự chênh lệch rất lớn giữa các nhà yến; Chất lượng tổ yến loại II và loại III chiếm tỷ lệ cao (56,62%).

Về quản lý: hầu hết các nhà yến sử dụng lao động trong gia đình, kỹ thuật viên phần lớn chưa được đào tạo chủ yếu làm theo kinh nghiệm. Số hộ có ghi chép quản lý thu hoạch chiếm 78,2%, số hộ sơ chế tổ tại nhà 25,4%, có thu gom phân 76,3%, sát trùng bên trong nhà yến 84%.

Đề nghị

Quản lý: Cần quy hoạch vùng xây nhà nuôi chim yến và tạo hành lang pháp lý để tạo điều kiện cho công tác quản lý nhà yến tốt hơn.

Kỹ thuật: Tập trung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng tổ yến thô như: vị trí nhà yến, kết cấu nhà yến, thiết bị hỗ trợ bên trong nhà yến, các yếu tố môi trường bên trong nhà yến, kỹ thuật và quy trình khai thác tổ yến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Mai Thế Hào. 2019. Thực trạng quản lý và phát triển nuôi chim yến tại Việt Nam. Diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp chủ đề: “Phát triển bền vững ngành yến tại các tỉnh thành phía Nam”. TP Hồ Chí Minh tháng 12/2019.

Đỗ Văn Hoan. 2018. Thực trạng quản lý và tình hình phát triển nuôi chim yến tại Việt Nam. Bản tin chuyên đề Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3 – 2018. Cục Chăn nuôi.

Lê Hữu Hoàng. 2013. Kỹ thuật xây dựng nhà yến. Tạp chí Khoa học Công nghệ Việt Nam. Số 18 năm 2013.

Tiếng nước ngoài

AgroMedia, R. 2007. Budi daya walet. Jakarta selatan indonesia: PT AgroMedia pustaka. Jakarta.

Ibrahim, S. H., Teo, W. C. and Baharun, A. 2009. A study on suitable habitat for swiftlet farming. UNIMAS E-J. Civil Eng., 1, pp. 1-7.

Idris, A., Abdullah, A-A. and Rehman, M. A. 2014. An Overview of the Study of the Right Habitat and Suitable Environmental Factors that Influence the Success of Edible Bird Nest Production in Malaysia. Asian Journal of Agricultural Research, 8, pp. 1-16.

Nguyen Quang, P. 1994. Breeding and moult in the edible-nest swiftlet *Collocalia Fuciphagus Germani* in Vietnam. Alauda, 62, pp. 107-115.

Rahman, M. A., Ghazali, P. L. and Lian, C. J. 2018. Environmental parameters in successful edible bird nest swiftlet houses in terengganu. Journal of Sustainability Science and Management. Volume 13 Number 1, pp. 127-131.

ABSTRACT

Current situation of swiftlet farming house in Southern provinces of Vietnam

The study on current status of swiftlet farming was conducted in the Southern provinces, from January to June 2020. 1000 Swiftlet's houses were randomly selected, equivalent to 10% of local swiftlet's houses to survey (2019). Interview information is included in the questionnaire. Results reveal that most swiftlet's houses didn't have construction permits and the number of swiftlet's houses increased quickly from 2011 (reaching 93% by 2019). Swiftlet's houses were 1 to 4 floor-houses, of which 2-3 floor-houses were mostly (81.2%). Rate of houses applying method of allurement by sound was 100% and combining sound with odorants was 39.1%. Temperature and humidity: 94.7% of bird houses were determined, in which automatic determination accounted for 80.34%, 100% of the houses was installed with humidification systems. Sound: 100% houses used audio equipment inside and outside the house, working 24/24 inside, 11.61 hours/day outside. Light and ventilation were mostly from vents in the wall and bird doors. Bird's nest yield was 129.7 g/m²/year, harvested 9.32 times/year. Quality of nest: Type I (>9g/nest) 43.38%, type II (7-9g/nest) 36.49%, type III (<7g/nest) 20.13%. Management: the number of households with record of harvesting management accounts for 78.2%, percentage of households pre-processing nest was 25.4%, collecting fertilizers was 76.3%, disinfect inside of the swiftlet house was 84% and most of them used family labor.

Key words: *Sound, swiftlet, seduction, bird's nest yield, swiftlet.*

Ngày nhận bài: 06/9/2020

Ngày phản biện đánh giá: 14/9/2020

Ngày chấp nhận đăng: 30/9/2020

Người phản biện: *TS. Chu Mạnh Thắng*